



Đặt vấn đề

Lần đầu tiên VN chịu tác động một cách rõ nét và trực tiếp nhất tác động của khủng hoảng tài chính – kinh tế thế giới. Xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài giảm mạnh đã kéo tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm xuống gây ra nhiều khó khăn trong sản xuất, tiêu dùng, cải thiện điều kiện sống của người dân.

Để ngăn chặn khủng hoảng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Các chính sách của Chính phủ đưa ra trong thời gian qua cho thấy, về tổng thể, những “công cụ” quan trọng nhất thực hiện gói kích thích kinh tế của Chính phủ gồm: giảm thuế, giãn thuế, hoàn thuế; hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp; hạ lãi suất cơ bản và tỷ lệ dự trữ bắt buộc; tăng đầu tư công cho kết cấu hạ tầng từ nguồn trái phiếu chính phủ và hỗ trợ trực tiếp cho người dân thông qua các chính sách an sinh xã hội.

Các công cụ đó đã hướng tới bốn nhóm đối tượng là: doanh nghiệp; hộ gia đình; Chính phủ và hoạt động xuất nhập khẩu, được thực hiện trên tổng thể ba nhóm biện pháp kích thích kinh tế: kích thích tiêu dùng nội địa; kích thích đầu tư của doanh nghiệp; kích thích thông qua đầu tư công.

Để kích thích kinh tế, ở một số nước, chính phủ hỗ trợ trực tiếp tiền cho dân để tăng sức mua, hoặc chuyển tiền cho doanh nghiệp, ngân hàng, nhưng VN không thể áp dụng cách thức đó



Các giải pháp sử dụng hiệu quả gói kích thích kinh tế của Chính phủ nhằm tạo đà cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam

TS. PHẠM THỊ NGỌC MỸ *

vì lượng dự trữ có hạn, tiềm lực còn hạn chế; vì thế, phải dùng hình thức khác như bù lãi suất, cho vay không lãi, hỗ trợ mua bảo hiểm y tế,... Đó là cách làm của các nước đang phát triển, các nước có điều kiện kinh tế eo hẹp.

1. Đánh giá hiệu quả gói kích thích kinh tế của Chính phủ thời gian qua

Nhìn chung, hai gói giải pháp kích thích đầu tư của Chính phủ đã mang lại nhiều hiệu ứng tích cực, trong đó đáng kể nhất là giảm một phần chi phí vốn vay cho doanh nghiệp, đảm bảo giải quyết những khó khăn trước mắt cho các dự án đang thiếu vốn, các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng, qua đó giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động... Quyết định 131/2009/QĐ-TTg ngày 23/1/2009 của Thủ

tướng Chính phủ về hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh là biện pháp cấp cứu kịp thời, giúp doanh nghiệp thoát hiểm, hồi sinh, được doanh nghiệp đồng tình.

2. Vấn đề đặt ra hiện nay sau khi triển khai gói kích thích kinh tế

Cho đến thời điểm hiện nay, trọng tâm chính trong các biện pháp ứng phó của Chính phủ là hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp. Ngày 23/1/2009, Chính phủ công bố gói kích thích kinh tế lần một với lãi suất hỗ trợ 4%. Gói kích thích kinh tế lần hai được Chính phủ công bố hôm 6/4/2009 nhằm cấp bù lãi suất 4% cho doanh nghiệp song hướng vào các nguồn vốn trung và dài hạn trong khoảng thời gian tối đa 24 tháng.

Để ngăn chặn suy giảm kinh



tế và kích thích kinh tế, gói hỗ trợ lãi suất 4% của Chính phủ là một giải pháp tốt, tuy nhiên, cần phải có sự điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế, vì các lý do sau:

Một là, hiện tượng đảo nợ rất dễ xảy ra khi mà nhiều doanh nghiệp muốn được vay hỗ trợ lãi suất để trả những khoản vay trước đó với lãi suất cao. Thực tế, hoạt động đảo nợ có thể diễn ra theo nhiều kiểu, nhiều cách và ngân hàng cũng khó kiểm soát được.

Chẳng hạn tính đến hết tháng 2/2009, lượng vốn cho vay trên địa bàn TP.HCM chỉ lớn hơn lượng vốn thu hồi về (nợ) khoảng 23.200 tỉ đồng. Nếu so với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành năm 2009 là 21-22%, thì tốc độ tăng tổng dư nợ 0,46% của TP.HCM là quá thấp. Vòng quay vay - trả, trả - vay đã được đẩy nhanh như vậy không loại trừ khả năng sử dụng vốn vay hỗ trợ lãi suất để trả nợ cũ. Vốn trở về ngân hàng nhanh như vậy thì mục tiêu kích thích kinh tế không đạt được kết quả như mong muốn. Vì thế, cần tăng cường công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện công việc cho vay, hỗ trợ lãi suất, tránh tiêu cực, gây khó khăn cho người vay, hoặc thông đồng với người vay để tư lợi cá nhân, thực hiện đảo nợ. Đảo nợ tuy có lợi cho người vay và ngân hàng nhưng không tạo thêm được sản phẩm, hàng hóa và việc làm cho người lao động.

Thực trạng trên là khó tránh khỏi, tuy nhiên, việc các doanh nghiệp xây dựng các dự án mới để mở rộng sản xuất trên cơ sở các dự án “cũ” đang vay vốn

ngân hàng cũng giống như việc tái cơ cấu các khoản vay ngắn hạn. Với hướng như vậy, các dự án mới hoàn toàn có thể là các dự án cũ được xây dựng lại để chuyển thành những khoản vay mới được hỗ trợ lãi suất. Có thể gọi hiện tượng này là “đảo dự án” mà cả doanh nghiệp và ngân hàng đều có thể thực hiện nhanh chóng. Không phải mọi trường hợp “đảo nợ” đều là xấu.

Hai là, biện pháp hỗ trợ lãi suất khó đạt được kết quả mong đợi vì thị trường của các sản phẩm xuất khẩu lớn của VN như dệt may, da giày, thủy sản, gỗ đang thu hẹp nhiều do suy thoái kinh tế toàn cầu, nên các doanh nghiệp trong các ngành này hầu như không mặn mà đối với các khoản vay này bởi họ không muốn tăng thêm nợ. Do vậy, gói hỗ trợ lãi suất của Chính phủ khó đạt được mục tiêu tạo việc làm, do những người mất việc chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp xuất nhập khẩu có vốn đầu tư ngược ngoài.

Ba là, gói hỗ trợ lãi suất của Chính phủ dường như mới chỉ chú trọng vào kích thích kinh tế sản xuất chứ chưa kích thích kinh tế tiêu dùng. Khuyến khích tiêu thụ sản phẩm, nên chăng, cần thông qua biện pháp giảm thuế mà không sử dụng biện pháp hỗ trợ lãi suất. Hỗ trợ lãi suất dễ làm tăng nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp để doanh nghiệp duy trì sản xuất. Như vậy, rất có thể làm tăng thêm ứ đọng sản phẩm. Giảm thuế sẽ có tác dụng tăng thêm thu nhập cho doanh nghiệp giống như hỗ trợ lãi suất mà không phải qua nhiều thủ tục phiền phức.

Bốn là, cần có cơ chế quản lý chặt chẽ để đảm bảo rằng lượng vốn vay hỗ trợ lãi suất được sử dụng đúng mục đích, tránh tình trạng dùng vốn đó vào các hoạt động đầu cơ, gây nguy cơ lạm phát sau này của nền kinh tế.

3. Kiến nghị, đề xuất những hướng cần đầu tư để đón đầu cơ hội tăng trưởng kinh tế

Một là, giải pháp ngăn chặn suy thoái kinh tế phải hướng vào việc tạo ra những doanh nghiệp mới, cần áp dụng chính xác hỗ trợ lãi suất cho những doanh nghiệp mới có phương án kinh doanh khả thi để thu hút số lao động đã mất việc và tạo ra công ăn việc làm mới. Hai trọng tâm mà chính sách hỗ trợ cần bảo đảm là: thứ nhất, tập trung vào những khu vực tạo việc làm để ngăn chặn thất nghiệp; thứ hai, ưu tiên hỗ trợ những nhóm dễ bị tổn thương nhất cho nền kinh tế.

Hai là, kích thích kinh tế nông thôn trên cơ sở nhìn nhận lại vai trò của nông nghiệp và các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực. Thực tế mấy chục năm qua cho thấy, mỗi khi nền kinh tế rơi vào tình trạng khó khăn, nông nghiệp lại nổi lên như một sự trợ giúp đáng kể. Trong những tháng đầu năm 2009, giá dầu sụt giảm kỷ lục, nhiều mặt hàng xuất khẩu lao đao, thị trường xuất khẩu thu hẹp thì xuất khẩu gạo lại nhộn nhịp, góp phần đáng kể vào việc hạn chế mức giảm xuất khẩu. Các nhà kinh tế cho rằng, dù kinh tế thế giới suy giảm thì nhu cầu đối với lương thực, các mặt hàng nông sản không bị sụt giảm như đối với các hàng tiêu dùng cao cấp, xa xỉ. Hiện tượng này cho thấy, chúng ta cần có



cách nhìn mới đối với vai trò của nông nghiệp để có sự đầu tư đúng mức, thỏa đáng, nhất là trong bối cảnh tỷ lệ người nghèo đói trên thế giới tăng nhanh do khủng hoảng kinh tế, và nhiều nước đã rơi vào khủng hoảng lương thực, dẫn tới xung đột, bạo lực, bất ổn về chính trị - xã hội.

Việc kích thích kinh tế nông thôn cần gắn liền với chiến lược phát triển khu vực kinh tế - xã hội rộng lớn này. Nhất là trong bối cảnh do tác động của khủng hoảng, lao động mất việc làm có xu hướng quay trở về nông thôn. Trước mắt, Chính phủ cần có chính sách kích thích kinh tế nông thôn (qua tín dụng tiêu dùng, ưu đãi cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp nông thôn và các giải pháp khác) để tăng sức mua của người dân. Do thu nhập còn thấp và nhu cầu thiết yếu còn đơn giản, không cao như những vùng khác nhưng vẫn chưa được đáp ứng, nên chỉ một sự kích thích kinh tế không lớn, cũng có thể mang lại tác động đủ mạnh, hiệu quả cao. Đồng thời, Nhà nước nên tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng nông thôn ở nhiều vùng. Đó không chỉ là giải ngân vốn đầu tư phát triển của Nhà nước, tạo việc làm và giúp các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa có liên quan, mà còn tạo điều kiện rất quan trọng để các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp trong nước nhanh chóng phát triển và mở rộng được hệ thống phân phối của mình đến địa bàn chiến lược quan trọng này.

Ba là, ngoài kích thích kinh tế thông qua lãi suất, Chính phủ cũng cần chú trọng các nhóm giải pháp khác như xúc tiến thương

mại, đẩy mạnh hoàn thiện các dự án và công trình đầu tư xây dựng cơ bản; hỗ trợ lao động mất việc làm thông qua kinh phí dự phòng; trợ cấp cho người nghèo, người có thu nhập thấp, chỉ cho nông nghiệp để đẩy mạnh sản xuất.

Bốn là, điều chỉnh chiến lược thị trường theo hướng khai thác mạnh mẽ nhu cầu trong nước. Với gần 90 triệu dân, thị trường nội địa là đáng kể. Cần khắc phục tâm lý coi trọng xuất khẩu, xem nhẹ sản phẩm và tiêu dùng hàng nội địa. Nhà nước nên xây dựng chương trình khuyến khích phát triển thị trường nội địa, ưu tiên cho một số ngành có tiềm năng lớn về đầu ra nội địa, và ngành sử dụng nhiều lao động, thí dụ như dệt may, da giày, thủ công nghiệp. Ngân sách nhà nước nên dành ngân khoản đặc biệt cho chương trình này như là một khoản kích thích kinh tế đặc thù. Đây có thể coi là một giải pháp đòn bẩy tài chính trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. Cần phát triển, khuyến khích phát triển một cách cân đối giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI, tránh việc “sính ngoại” mà quên mất thị trường trong nước.

Năm là, Nhà nước đầu tư vào xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng: làm đường, làm cầu, sân bay, bến cảng... theo quy hoạch. Đây cần được coi là khâu đột phá trong kích thích kinh tế ở VN hiện nay. Việc thực hiện kích thích kinh tế cũng cần hết sức lưu ý bảo đảm cân đối liên ngành, xác lập các cân đối vĩ mô. Tránh lặp lại tình trạng do có quá nhiều công trình của Nhà nước được khởi công trong những năm

2006-2007, đã làm cho cầu vật liệu xây dựng tăng cao và đẩy giá tăng nhanh, thậm chí gây “sốt” giá. Khi đầu tư nhà nước làm tăng đầu tư tư nhân, giải pháp tài chính - tiền tệ: hạ lãi suất, hỗ trợ lãi suất, giảm thuế... sẽ phát huy tác dụng.

Sáu là, cần chú trọng công tác thu thập thông tin chính xác, cập nhật về các tín hiệu thị trường để có thể xử lý kịp thời. Có chiến lược quản lý rủi ro một cách hiệu quả.

Cuối cùng là, song song với hoạt động triển khai hệ thống kích thích kinh tế trên đây, thì Chính phủ cũng cần triển khai hệ thống giám sát, kiểm tra và hậu kiểm chặt chẽ các ngành, các cấp tổ chức thực hiện để đảm bảo hiệu quả cao cho mục tiêu đã đề ra.

Tóm lại, với thể chế chủ động cùng những kinh nghiệm ứng phó trong thời gian qua của Chính phủ trước tình hình biến động kinh tế trong nước và thế giới, tin rằng, các gói kích thích kinh tế của Chính phủ sẽ ngày càng phát huy tác dụng tốt trong đời sống và góp phần làm tăng tiềm lực để phát triển kinh tế đất nước. ●

(*) *Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tuyên bố chung của Hội nghị Bộ trưởng Tài chính G7 ngày 14/2/2009.

Hội thảo khoa học quốc gia với chủ đề “**Ngăn chặn suy giảm kinh tế VN**”.

TS. Đinh Văn Ân, Viện trưởng Viện trưởng Viện NCQLKT Trung ương, *Một số vấn đề về kinh tế vĩ mô của VN trong quá trình hội nhập và phát triển bền vững*.